



TQM

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG

Địa chỉ: Xã Thái Bình, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: 0207.3820778

Fax: 0207.3827707

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG

*(Đã sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang ngày 06/5/2019)*

Tháng 05 năm 2019

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang. Điều lệ, các quy định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang.

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung và được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông Công ty hợp ngày 06 tháng 5 năm 2019.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Công ty* được quy định trong Điều lệ này là Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang

b. *Việt Nam* là Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

c. *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

d. *Luật Doanh nghiệp* có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

e. *Ngày thành lập* là ngày mà Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu

f. *Pháp luật* là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định có liên quan.

g. *Người quản lý Công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

h. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp và được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp năm 2014

i. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

j. *Thời hạn hoạt động* là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại điều 2 của Điều lệ này.

k. Người được ủy quyền dự họp là người được cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân) ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Trong điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản nào hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CON DẤU VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang**
- Tên tiếng Anh: **Tuyen Quang Minerals Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **TQM.**

2. Trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Công ty:

2.1. Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Chanh, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Điện thoại: 027.820778, Fax: 027.827707

2.2. Địa điểm kinh doanh:

Tại thời điểm thông qua điều lệ này công ty có các địa điểm kinh doanh:

- Siêu thị Tuyên Quang - Trung tâm thương mại Tuyên Quang, địa chỉ: Số 68 đường Chiến Thắng Sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Siêu thị Tuyên Quang tại Sơn Dương, địa chỉ: Tổ nhân dân Đảng Châu, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

3. Hình thức hoạt động: Công ty cổ phần khoáng sản Tuyên Quang là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Luật Doanh nghiệp.

5. Công ty có thể thành lập hoặc giải thể, thay đổi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép. Tên, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được đăng ký và ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

6. Thời hạn hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 47 và Điều 49 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là không xác định thời hạn.

Điều 3: Con dấu

1. Số lượng và hình thức con dấu: Công ty sử dụng **01** (một) con dấu. Hội đồng quản trị quyết định kích thước, hình thức, nội dung con dấu của Công ty, nội dung con dấu phải thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Con dấu của Công ty được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 4: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Khai thác, chế biến Barite; Xuất khẩu các sản phẩm Barite;
 - Sản xuất bột đá cacbonat canxi;
 - Khai thác cát, sỏi, đất sét, cao lanh, đá xây dựng, đá làm đường, đá vôi;
 - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
 - Đại lý;
 - Bán lẻ hàng hóa trong siêu thị, Trung tâm thương mại;
 - Cho thuê kiốt, văn phòng;
 - Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ;
 - Xây dựng công trình kênh, mương, kè, đập, tràn;
 - Chuẩn bị mặt bằng;
 - Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống camera, âm thanh;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bán lẻ nhiên liệu động cơ (xăng, dầu và dầu, mỡ bôi trơn và các sản phẩm làm mát động cơ).
 - Lập đề án tìm kiếm, thăm dò khai thác khoáng sản; lập dự án, phương án khai thác khoáng sản

- Khai thác quặng Fenspat
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ lim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, gạch ốp, lát và thiết bị vệ sinh; Xi măng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất gia đình;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da;
- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hoá bằng xe ô tô tải (trừ ô tô chuyên dụng);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Dịch vụ photocopy; Dịch vụ tổ chức hội nghị;
- Cho thuê ô tô
- Bán buôn sắt thép
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống
- Bán buôn, bán lẻ rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá.
- Bán buôn, bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Hoạt động vui chơi giải trí khác.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành.

2. Mục tiêu của Công ty là: Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng đa dạng hóa sản phẩm và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh để tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển Công ty vững mạnh.

Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua điều lệ này là **25.000.000.000 VND** (Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần của cổ đông được ghi cụ thể trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ theo yêu cầu hoạt động của công ty, phù hợp với các quy định của pháp luật và điều lệ này trong các trường hợp sau:

2.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty từ lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được; hoặc từ quỹ đầu tư phát triển; hoặc từ các cổ đông đầu tư bổ sung vốn; hoặc bán thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ theo điều 122 và điều 123 của Luật Doanh nghiệp.

2.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua việc giảm vốn điều lệ Công ty bằng việc mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp hoặc hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty, tuy nhiên vốn còn lại phải đảm bảo cho Công ty hoạt động bình thường và thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác.

3. Cổ phần phổ thông dự kiến bán thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác. Thủ tục, trình tự, thời hạn chào bán, phương thức và giá bán cổ phần được thực hiện theo Điều 124 và Điều 125 của Luật Doanh nghiệp.

4. Công ty có thể mua cổ phần đã phát hành theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp. Số cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Số cổ phần này sẽ được Hội đồng quản trị chào bán theo cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Công ty có thể phát hành trái phiếu để tăng vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường; giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng ký.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết, người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là sẽ là người được hưởng toàn bộ giá trị cổ phần của cổ đông đã chết. Nếu cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Cổ đông có quyền tặng một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác, sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

5. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty khi đã hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng được Hội đồng quản trị xác nhận và các thông tin của họ được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 8: Thu hồi cổ phần và cổ tức

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần đã đăng ký, Hội đồng quản trị có quyền thông báo và yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nêu trên, nếu cổ đông đó không thanh toán đúng yêu cầu, thì cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị Hội đồng quản trị thu hồi bất kỳ lúc nào. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

3. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể tái phân phối hoặc bán cho các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

4. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ bị từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại sở tại vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

5. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo

6. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 9: Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông, vào thời điểm thông qua Điều lệ này toàn bộ cổ đông của Công ty là cổ đông phổ thông.

3. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Chuyển nhượng cổ phần của mình theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới Công ty chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ nắm giữ.

e. Trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại (sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ theo quy định của pháp luật) tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

f. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

g. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

h. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:

a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử được thực hiện theo khoản 4 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/ chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Nghĩa vụ của các cổ đông:

a. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty; Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

b. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và thiệt hại xảy ra.

c. Bảo vệ lợi ích, tài sản, thông tin, tài liệu bí mật, công nghệ của Công ty.

d. Cung cấp chính xác địa chỉ và các thông tin khác theo quy định cho Hội đồng quản trị khi đăng ký mua cổ phần và khi có sự thay đổi.

e. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c) Trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của

từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Điều 10: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Mọi Cổ đông của Công ty có tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty đều được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần mà cổ đông đó sở hữu.

2. Toàn bộ Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu ghi danh. Cổ phiếu của Công ty có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 120 của Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó, cổ đông đề nghị công ty cấp lại cổ phiếu chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc cấp lại cổ phiếu cho Công ty. Việc cấp lại được áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 11: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12 : Cơ cấu tổ chức, quản lý

1. Cơ cấu tổ chức, quản lý, kiểm soát và điều hành Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông
- b. Hội đồng quản trị
- c. Ban Kiểm soát
- d. Giám đốc Công ty.

e. Các bộ phận trực thuộc Công ty

2. Hội đồng quản trị xây dựng một bộ máy quản lý để quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với hoạt động thực tế của Công ty, mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.

Chương VI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ thảo luận, thông qua các vấn đề sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển; kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

c. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá kết quả kinh doanh, về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc;

d. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e. Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; Quyết định mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi hằng năm trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng quản trị.

f. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán;

h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

j. Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

k. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

l. Quyết định tổ chức lại, giải thể, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 14. Các cuộc họp và thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên họp mỗi năm một lần.

b. Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần khi hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

c. Đại hội đồng cổ đông bất thường

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập họp và lựa chọn địa điểm họp phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trường hợp gia hạn cũng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận, thông qua một số hoặc tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền nêu tại khoản 2 điều 13 Điều lệ Công ty và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ do Hội đồng quản trị triệu tập. Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ có thể được tổ chức cùng với kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt là thông qua: Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động cả nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty; Định hướng phát triển của Công ty; Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được lập phải đầy đủ nội dung theo quy định tại điều 114 Luật Doanh nghiệp và kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản khi Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị, ban Giám đốc hoặc những người quản lý khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình, hoặc các lý do khác thuộc thẩm quyền;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh trường hợp nêu tại điểm b khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d và e Khoản 4 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục b khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Chi phí theo quy định cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 5 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 15. Danh sách cổ đông, nội dung, chương trình và mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty và được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Nội dung danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú và các thông tin cần thiết khác như ghi trong sổ đăng ký cổ đông.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;

c. Chuẩn bị tài liệu phù hợp cho cuộc họp;

d. Chuẩn bị danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp; Gửi thông báo mời họp đến cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;

f. Thực hiện các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông sở hữu, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Vào thời điểm kiến nghị cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ này.

d. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

5. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc.

b. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ thường trú của cổ đông; thời gian, địa điểm, chương trình họp; những yêu cầu đối với người dự họp và các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Các tài liệu cần thiết sẽ được gửi tới cổ đông cùng thông báo mời họp.

c. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức phù hợp, bảo đảm để cổ đông nhận được thông báo.

Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, có thể ủy quyền bằng văn bản cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp hoặc biểu quyết bằng hình thức họp pháp khác được thông báo trong giấy mời họp. Trường hợp có nhiều hơn một người được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người được ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành và có đủ chữ ký theo quy định. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 17. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số lượng đại biểu cần thiết để tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **55%** tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ số lượng đại biểu cần thiết để tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng 60 phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định của Điều lệ này.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết

tán thành, sau đó thu' thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay sau khi Ban kiểm phiếu có kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp và phải trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp: Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 145 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Điều kiện để nghị quyết được thông qua và hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp như sau:

1.1- Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;

1.2. Các nghị quyết về nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1.1 và khoản 2 Điều này.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 55% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định

6. Trường hợp có đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ này yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định

khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 người, tất cả phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, chấp hành tốt pháp luật và nội quy, quy chế của Công ty;

c. Có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh.

d. Có các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng và có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 23: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm của công ty trên cơ sở các mục tiêu chiến lược dài hạn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

2.3. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

2.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty; Phê chuẩn việc định giá các tài sản góp vào công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của công ty.

2.5. Quyết định mua lại cổ phần và mức giá mua lại cổ phần của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

2.6. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Phê chuẩn các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch cần phải có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;

2.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

2.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và trưởng văn phòng đại diện, chi nhánh, công ty con của Công ty; Quyết định tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của những người này;

2.10. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác mà Công ty góp vốn, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

2.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

2.12. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

2.13. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

2.14. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

2.15. Kiến nghị mức cổ tức được trả; xác định mức cổ tức tạm ứng; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

2.16. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

2.17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được Công ty trả thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị và tiền thưởng, trường hợp kiêm nhiệm thì chỉ được hưởng phụ cấp. Tổng mức thù lao hoặc phụ cấp cho Hội

đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao hoặc phụ cấp của từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo nguyên tắc nhất trí. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình.

Điều 24. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

2.2. Chuẩn bị và chỉ đạo chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp Hội đồng quản trị;

2.3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

2.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;

2.5. Chỉ đạo, giải quyết công việc hằng ngày thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; giải quyết những vấn đề đột xuất nảy sinh giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị và báo cáo Hội đồng quản trị trong phiên họp gần nhất;

2.6. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, chương trình, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị;

2.7. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.

4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể chỉ định cán bộ làm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ theo khoản 5 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký công ty khi xét thấy tại thời điểm đó Hội đồng quản trị không cần phải có thư ký.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong vòng 15 ngày.

Điều 25. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, nhưng không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của một trong các trường hợp sau đây:

- a. Đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Văn bản đề nghị phải nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và nội dung quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo thời hạn nêu tại khoản 4 điều này, thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu cần thiết (nếu có) liên quan đến vấn đề cần được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có thể được mời dự họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu

tập lần thứ hai trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư hoặc thư điện tử (trường hợp Hội đồng quản trị lấy phiếu biểu quyết bằng văn bản). Trường hợp này, phiếu biểu quyết phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn yêu cầu nêu trong thông báo.

10. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

12. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung vấn đề liên quan đó trong cuộc họp Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.

Điều 26. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản hoặc có thể ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích, chương trình và nội dung họp; Thời gian, địa điểm họp; Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Các vấn đề đã được thông qua; Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên dự họp.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty cùng với tài liệu sử dụng trong cuộc họp. Mọi hành động được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý.

Chương VIII GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 27. Giám đốc công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ làm Giám đốc Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự quản lý, giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám Công ty:

3.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

3.2. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, ý thức chấp hành kỷ luật và pháp luật tốt; Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; Có năng lực thực tế và kinh nghiệm trong quản trị sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực hoạt động của công ty; có sự cẩn thận cần thiết để tổ chức và điều hành các hoạt động của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

3.3. Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty.

3.4. Có các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

4.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty đã được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

4.4. Đề xuất kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư trung, dài hạn của Công ty và những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

4.5. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty và đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

4.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

4.7. Tuyển dụng lao động phù hợp với cơ cấu tổ chức, nhu cầu của sản xuất kinh doanh trên cơ sở tiết kiệm và quy định của pháp luật; sử dụng lao động có hiệu quả và không ngừng nâng cao năng suất lao động;

4.8. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty và người quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc. Mức tiền lương, tiền công chi trả phải phù hợp với đơn giá được phê duyệt, với tình hình thực tế của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

4.9. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

4.10. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch đầu tư chi tiết cho năm tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu thực tiễn, khả năng tài chính của Công ty và phù hợp với kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư dài hạn của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

4.11. Kịp thời trình Hội đồng quản trị đầy đủ các Báo cáo tài chính quý, năm và các báo khác của Công ty theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

4.12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế của Công ty và quy định, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị và nội quy, quy chế của Công ty. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

7. Giám đốc được Công ty trả lương và tiền thưởng theo quy định. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Các Phó Giám đốc công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một hoặc một số thành viên hoặc người khác làm Phó Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Giám đốc Công ty:

2.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

2.2. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, ý thức chấp hành kỷ luật và pháp luật tốt; Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; Có năng lực thực tế và

kinh nghiệm trong quản trị sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực hoạt động của công ty; có sự miễn cưỡng cần thiết để thực hiện tốt các nhiệm vụ, góp phần thúc đẩy các hoạt động của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2.3. Có các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

3. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo ủy quyền của Giám đốc; chịu sự quản lý, giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

4. Các Phó Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Điều hành một hoặc một số công việc trong sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty được giám đốc Công ty phân công hoặc ủy quyền, theo đúng Điều lệ công ty, quy chế quản lý của Công ty và quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Giám đốc Công ty.

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế của Công ty và quy định, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Phó Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Phó Giám đốc mới thay thế.

6. Các Phó Giám đốc được Công ty trả lương và tiền thưởng theo quy định. Tiền lương của Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 29: Cán bộ quản lý khác

1. Cán bộ quản lý khác của Công ty gồm trưởng, phó các bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.

2. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, Giám đốc Công ty trực tiếp bổ nhiệm trưởng, phó các bộ phận trực thuộc Công ty sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, để thực hiện các thông lệ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty một cách tốt nhất.

3. Cán bộ quản lý khác của Công ty phải có sự miễn cưỡng cần thiết để thực hiện hoàn thành tốt và có hiệu quả các các nhiệm vụ được giao; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước ban Giám đốc Công ty về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao. Tiêu chuẩn chức danh và nhiệm vụ cụ thể của các bộ quản lý khác do Giám đốc Công ty xây dựng trình Hội đồng quản trị quyết định ban hành.

4. Mức lương, tiền thù lao và lợi ích đối với những cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc do Giám đốc Công ty quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định của Pháp luật, Quy chế của Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 30: Trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

1.1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế của Công ty;

1.2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

1.3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

1.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 31: Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong trường hợp sau đây:

1.1. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;

1.2. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

1.3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

1.4. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

1.5. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

1.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 32. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 159 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 33. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

1.1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

1.3. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Chương X: BAN KIỂM SOÁT

Điều 34: Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm, trong đó ít nhất có 01 người có trình độ chuyên môn về kế toán tài chính và phải thường trú ở Việt Nam.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ

3. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

3.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

3.3. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty;

3.4. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, có ý thức chấp hành pháp luật và kỷ luật tốt; Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên;

3.5. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên

3.6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

4. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 165 và Điều 166 của Luật Doanh nghiệp.

5. Kiểm soát viên có các trách nhiệm theo Điều 168 của Luật Doanh nghiệp.

6. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên:

6.1. Kiểm soát viên được Công ty trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao của Ban kiểm soát; Mức lương hoặc thù lao của từng thành viên sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

6.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm của mình.

6.3. Tiền lương hoặc thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

7. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ này;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

e. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

f. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 35. Trưởng Ban kiểm soát:

1. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc tại công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các cuộc họp khác thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, phân công nhiệm vụ cho các Kiểm soát viên thực hiện hết các quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát;

- Ký văn bản yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu và các văn bản khác của Ban Kiểm soát;

- Tổ chức kiểm tra, thẩm định các báo cáo của Công ty và lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông theo thẩm quyền.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ của ban Kiểm soát.

Chương XI

ĐIỀU TRA LƯU GIỮ SỔ SÁCH, HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36: Điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời cổ đông đó phải chịu trách nhiệm về bảo mật các thông tin mình tra cứu, sao chép. Yêu cầu của cổ đông phải được lập thành văn bản gửi tới Hội đồng quản trị Công ty trong giờ làm việc.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ hơn 10% cổ phần của Công ty có quyền gửi trực tiếp tới Hội đồng quản trị Công ty bằng văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó; đồng thời cổ đông đó phải chịu trách nhiệm về bảo mật các thông tin mình tra cứu, sao chép.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ trụ sở chính bản gốc các tài liệu sau đây: Điều lệ công ty; quy chế quản lý nội bộ của công ty; sổ đăng ký cổ đông; Giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận khác; Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty; Báo cáo của Ban kiểm soát; kết luận của cơ quan thanh tra, của tổ chức kiểm toán; Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương XII

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

Điều 37: Người lao động và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp

1. Công ty bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này

3. Giám đốc sẽ phải lập văn bản, kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về kế hoạch lao động tiền lương hàng năm; quy chế trả lương, thưởng, chi quỹ phúc lợi, khen thưởng và các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất quy định tại Điều lệ này, các quy chế của công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Điều 38: Phân phối lợi nhuận

Tổng lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế, các khoản chi phí không được tính vào chi phí trước thuế theo quy định và các khoản khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật, mức trích lập hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Chi trả cổ tức cho các cổ đông, mức chi và hình thức chi hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Việc sử dụng các quỹ trích lập từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Quy chế của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 39: Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ đông được xác định căn cứ khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty nêu tại Khoản 3 Điều 38 Điều lệ này.

2. Công ty chỉ chi trả cổ tức khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Đã bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế, các khoản chi phí không được tính vào chi phí trước thuế theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm thanh toán cổ tức giữa kỳ hoặc trước thời hạn nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, hoặc chuyển khoản, hoặc bằng cổ phần của công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thì được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ tức được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.

6. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

Chương XIV TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 40 . Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản cho VND hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng Thương mại Việt Nam hoặc nước ngoài được phép hoạt động tại Việt nam.

2. Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán tiền gửi thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

Điều 41: Năm tài chính

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31/12 năm đó.

Điều 42: Kế toán

1. Công ty tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

2. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. Thực hiện hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật kế toán Việt Nam quy định.

3. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

4. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 43. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần phải được kiểm toán bởi đơn vị Kiểm toán độc lập trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

2. Báo cáo kiểm toán của đơn vị Kiểm toán độc lập được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

Chương XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 44: Báo cáo quý, năm

Giám đốc Công ty phải lập Báo cáo tài chính quý, năm; Báo cáo thuế và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật về tài chính, thuế và yêu cầu của Hội đồng quản trị. Báo cáo tài chính phải phản ánh một cách trung thực, khách quan, rõ ràng về tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh, lãi/lỗ, tình hình tài chính của Công ty trong năm tài chính và tính đến thời điểm lập báo cáo.

Điều 45. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị để trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo và tài liệu sau đây:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.

2. Báo cáo tài chính phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 25 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.

Điều 46: Công bố thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố, công khai thông tin theo quy định tại Điều 108 và Điều 109 của Luật Doanh nghiệp.

Chương XVI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Điều 47. Tổ chức lại, giải thể Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Công ty có thể quyết định tổ chức lại Công ty theo thẩm quyền và quy định tương ứng tại Luật Doanh nghiệp.

2. Việc giải thể Công ty được thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị Công ty và quy định tương ứng tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 48. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định Hội đồng quản trị hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và trách nhiệm khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty được thực hiện theo Khoản 2, 3, 4 Điều 206 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 49. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ các Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính, giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 40 ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra toà án kinh tế.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của toà án thực hiện theo phán quyết của Toà án.

Chương XVIII

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 51: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Thể thức thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh. Trường hợp pháp luật có những quy định mới có liên quan đến hoạt động của công ty thì những quy định mới đó đương nhiên được áp dụng vào các hoạt động của công ty và sẽ được xem xét, sửa đổi trong Điều lệ trong kỳ họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

Chương XIX HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 52: Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này gồm XIX chương 52 điều, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần khoáng sản Tuyên Quang họp ngày 06 tháng 5 năm 2019 nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.

2. Điều lệ được thành lập 08 bản, có giá trị như nhau, trong đó: 01 bản đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang; 01 bản gửi Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước; 06 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ đã sửa đổi, bổ sung này được thay thế tất cả các bản Điều lệ Công ty trước đây.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty mới được coi là hợp lệ.

TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Tuyên